

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 37 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/7/2022

Về việc: "Tranh chấp về
hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quang Dũng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Giang Công Chiến

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Phương – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước:

Bà Đỗ Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST – HN&GD ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T***, sinh năm 1986

Trú tại: Đội 1, ấp 1, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Có mặt

****Bị Đơn: Ông Cao Văn T***, sinh năm 1979

Trú tại: Đội 1, ấp 1, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 9 năm 2020, bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn T kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2006, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước và được cấp lại năm 2016. Trong thời gian chung sống, giữa bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn T sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của

việc phát sinh mâu thuẫn là do ông Cao Văn T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Cao Văn T vẫn không nghe. Bà Nguyễn Thị T xác định tình cảm mà bà Nguyễn Thị T dành cho ông Cao Văn T đã hết và có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Cao Văn T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn T có 02 người con chung tên là Cao Văn Nguyên, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2007 và Cao Văn Đạt, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2012. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Cao Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

-Tại bản tự khai không đề ngày tháng năm, bị đơn là ông Cao Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Cao Văn T và Nguyễn Thị T kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2007. Quá trình chung sống thì vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do có tính tình không hợp nên trong cuộc sống vợ chồng thường hay cãi vã lẫn nhau. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn thì ông Cao Văn T đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị T có 02 người con chung tên là Cao Văn Nguyên, sinh năm 2007 và Cao Văn Đạt, sinh năm 2012. Ông Cao Văn T đồng ý giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1.Về hôn nhân: Đề nghị Tuyên xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Cao Văn T.

2.Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung tên là Cao Văn Nguyên, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2007 và Cao Văn Đạt, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con (Do đương sự không yêu cầu).

3.Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Cao Văn T, yêu cầu giải quyết về con chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là ông Cao Văn T cư trú tại: ấp 1, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Thủ tục tố tụng: Ông Cao Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Yêu cầu của đương sự:

[1] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn T kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2005, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Trích lục kết hôn số 69, do ủy ban nhân dân xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ký cấp ngày ngày 09 tháng 9 năm 2020 –BL 06). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống thì giữa bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn T sống với nhau không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt. Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn T xác định tình cảm vợ chồng giữa hai người đã thực sự hết nên có yêu cầu ly hôn. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Cao Văn T là có căn cứ và được chấp nhận.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn T có chung 02 người con tên là Cao Văn Nguyên, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2007 và Cao Văn Đạt, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2012. Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn T thống nhất giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của con trẻ, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc, thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3]Về tài sản chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Cao Văn T.

2.Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao 02 con chung là cháu Cao Văn Nguyên, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2007 và cháu Cao Văn Đạt, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc, thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018798 ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

5.Bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Cao Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã Thuận Phú;
- Các đương sự
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quang Dũng

